

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG

**THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO KHU KINH TẾ
DUNG QUÁT TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2011

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trương Bá Thanh

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Thị Như Liêm

Phản biện 2: TS. Tống Thiện Phước

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 01 tháng 12 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vùng kinh tế trọng điểm (VKTTĐ) miền Trung là một trong ba vùng kinh tế động lực của Việt Nam. Tuy nhiên, khu vực này vẫn còn khoảng cách khá xa so với hai VKTTĐ phía Nam và phía Bắc về phát triển kinh tế - xã hội cũng như thu hút FDI. Nhằm thúc đẩy sự phát triển của VKTTĐ miền Trung, khu vực Dung Quất (Quảng Ngãi) đã được Chính phủ cho áp dụng chính sách vượt trội, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và đầu tư hàng nghìn tỷ đồng phát triển cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, kết quả thu hút FDI vào KKT Dung Quất thời gian qua còn quá khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của KKT. Trước áp lực cạnh tranh thu hút FDI trên toàn cầu và “sức ép” từ hàng loạt Khu kinh tế (KKT) khác, việc tìm ra những giải pháp giúp KKT Dung Quất tăng cường thu hút FDI là vấn đề rất đáng quan tâm.

Nhờ có FDI, chúng ta sử dụng có hiệu quả những lợi thế của đất nước mà nhiều năm qua không thể thực hiện do thiếu vốn như khai thác dầu mỏ, khoáng sản ...

Ngoài ra, trong quá trình tiếp nhận FDI chúng ta học được kinh nghiệm quản lý kinh doanh và cách làm thương mại trong điều kiện kinh tế thị trường của các nước tiên tiến.

Tóm lại, FDI có ý nghĩa cực kỳ quan trọng để đưa nước ta nhanh chóng hội nhập với sự phát triển của thế giới và khu vực.

Đây là lý do thôi thúc tôi thực hiện luận văn Thạc sĩ: “Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi”.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu về lý luận và thực tiễn các vấn đề liên quan đến

khu kinh tế và hoạt động thu hút FDI vào các khu kinh tế.

Đánh giá, phân tích thực trạng thu hút FDI vào KKT Dung Quất trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, phát hiện những mặt tích cực, thành công và những tồn tại với những nguyên nhân của chúng.

Đề xuất các giải pháp trên phương diện môi trường vĩ mô và năng lực nội tại nhằm đẩy mạnh thu hút FDI vào KKT Dung Quất.

3. Đối tượng nghiên cứu

Phạm vi đề tài chỉ nghiên cứu thu hút FDI vào Khu kinh tế Dung Quất.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Hoạt động thu hút FDI vào Khu kinh tế Dung Quất tính từ thời điểm thành lập 21/3/2005 đến hết ngày 15/9/2010.

- Cơ chế, chính sách, hoạt động xúc tiến đầu tư và các nhân tố khác ảnh hưởng đến thu hút FDI vào Khu kinh tế Dung Quất.

- Một số kinh nghiệm thu hút FDI liên quan đến đề tài.

- Giải pháp tăng cường thu hút FDI vào Khu kinh tế Dung Quất.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử được sử dụng làm phương pháp luận nghiên cứu cơ bản. Luận văn đã phối hợp sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế như: thu thập tài liệu, thống kê mô tả, so sánh, đối chiếu, phân tích và tổng hợp, mô hình hóa, diễn giải và quy nạp...

6. Kết cấu của luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các khu kinh tế

Chương 2: Thực trạng thu hút FDI vào KKT Dung Quất

Chương 3: Một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút FDI vào Khu kinh tế Dung Quất

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO CÁC KHU KINH TẾ

1.1. Tổng quan về khu kinh tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu kinh tế

1.1.1. Khu kinh tế và một số khái niệm liên quan

1.1.1.1. Khu kinh tế

Khu kinh tế ở Việt Nam là khu vực có không gian kinh tế riêng biệt, với môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi và bình đẳng bao gồm: các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài và cơ chế quản lý thông thoáng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

1.1.1.2. *Phân loại Khu công nghiệp*: KCN tập trung, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao, Khu công nghiệp thông thường

1.1.2. Những vấn đề chung về đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.2.1. Khái niệm về FDI

FDI là nguồn vốn đầu tư tự nhân do các nhà đầu tư nước ngoài tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư, chịu trách nhiệm vay và trả nợ.

Như vậy, đầu tư trực tiếp nước ngoài là dạng đầu tư trực tiếp do nguồn vốn từ bên ngoài mà chủ thể của nó là tư nhân hay Nhà Nước hoặc các tổ chức quốc tế được nước chủ nhà cho phép đầu tư vào những lĩnh vực nào đó của một nước nhằm thực hiện mục tiêu nhất định.

1.1.2.2. Đặc điểm của FDI

- Đây là hình thức đầu tư chủ yếu bằng vốn của tư nhân do các chủ đầu tư tự quyết định đầu tư, tự quyết định sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi.

- Thông qua FDI, nước chủ nhà có thể tiếp nhận được công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, học hỏi được kinh nghiệm quản lý ... mà các hình thức đầu tư khác không đáp ứng được.

- FDI trở thành hình thức đầu tư chủ yếu trong đầu tư nước ngoài.

- FDI đang và sẽ tăng mạnh ở các nước đang phát triển.

1.1.2.3. Các hình thức và phương thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.2.4. *Vai trò FDI đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển*: bổ sung vốn cho nền kinh tế; cung cấp công nghệ mới cho sự phát triển; giúp phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm; giúp mở rộng thị trường và thúc đẩy xuất khẩu; thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

1.1.2.5. *Tác động của FDI đến sự phát triển kinh tế Việt Nam những năm qua*

- Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần tích cực chuyển dịch vụ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển lực lượng sản xuất.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tham gia phát triển nguồn nhân lực.

- FDI đã đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách Nhà Nước.

1.2. Nội dung thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.2.1. Khái niệm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu hút là việc tạo nên ấn tượng mạnh mẽ để các tổ chức, cá nhân quan tâm và dồn sự chú ý vào đối tượng cần thu hút.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là tổng hợp nhiều hoạt động marketing nhằm đẩy mạnh thu hút FDI; tổ chức các hội thảo và

phái đoàn vận động đầu tư, tham gia các triển lãm, diễn đàn về thương mại – đầu tư; phân phát các tài liệu tuyên truyền kêu gọi đầu tư; tổ chức các buổi tiếp xúc giữa các nhà đầu tư tiềm năng với các đối tác địa phương; trợ giúp nhà đầu tư khảo sát, hình thành dự án, phê duyệt và cấp giấy phép đầu tư, các hỗ trợ sau khi dự án đi vào hoạt động.

Có thể khái quát thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là tổng thể các biện pháp, hoạt động tích hợp nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến với các cơ hội đầu tư tại một quốc gia hay địa điểm nào đó.

1.2.2. Nội dung thu hút đầu tư vào các khu kinh tế

1.2.2.1. Môi trường đầu tư

Môi trường đầu tư là tổng hợp các yếu tố về pháp luật, kinh tế, tài chính, chính trị, văn hóa – xã hội, cơ sở hạ tầng, thị trường, lợi thế so sánh, các điều kiện khách quan, chủ quan bên ngoài, bên trong có mối quan hệ tương tác lẫn nhau, có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động đầu tư kinh doanh, sự tồn tại và phát triển của các nhà đầu tư tại một quốc gia hay khu vực nào đó.

1.2.2.2. Chính sách hỗ trợ đầu tư và những khoản trợ cấp của chính phủ

- Chính sách thuế và những ưu đãi tài chính.
- Các chi phí tổ chức và tiền vận hành.
- Tái đầu tư.
- Trợ cấp đầu tư.
- Các khoản khấu trừ khác.
- Tín dụng thuế đầu tư.
- Các khoản tín dụng thuế khác.

1.2.2.3. Công tác xúc tiến đầu tư

Công tác xúc tiến đầu tư là chủ động tìm kiếm đối tác đầu tư để

đầu tư vào những dự án đã được xác lập, đã theo quy hoạch.

1.2.2.4. Một số công cụ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.2.3. Các chỉ tiêu phản ánh kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Tổng số vốn FDI thực hiện trong kỳ.
- Số dự án và quy mô vốn trên một dự án.
- Tỷ lệ vốn FDI thực hiện so với nhu cầu.
- Tốc độ gia tăng vốn đầu tư.
- Cơ cấu vốn đầu tư.

1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI vào các khu kinh tế

1.3.1. Nhóm nhân tố môi trường vĩ mô

1.3.1.1. Xu hướng vận động của FDI thế giới

1.3.1.2. Điều kiện tự nhiên

1.3.1.3. Sự ổn định chính trị - xã hội

1.3.1.4. Tình hình phát triển và ổn định kinh tế vĩ mô

1.3.1.5. Khung pháp lý về thu hút FDI vào Khu kinh tế

1.3.1.6. Ngành công nghiệp phụ trợ

1.3.2. Nhóm nhân tố bên trong Khu kinh tế

1.3.2.1. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

1.3.2.2. Thủ tục hành chính đối với FDI

1.3.2.3. Công tác giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư

1.3.2.4. Nguồn nhân lực

1.4. Kinh nghiệm thu hút FDI của một số địa phương

1.4.1. Bình Dương

1.4.2. Đồng Nai

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THU HÚT FDI VÀO KHU KINH TẾ DUNG QUẤT

2.1. Tổng quan về KKT Dung Quất

2.1.1. Đặc điểm hình thành Khu kinh tế Dung Quất

Khu kinh tế Dung Quất được thành lập trên cơ sở khu công nghiệp Dung Quất, theo Quyết định số 50/2005/QĐ – TTG ngày 11/3 2005 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của khu kinh tế Dung Quất.

Đảng và Chính phủ Việt Nam đã quyết định xây dựng Khu công nghiệp Dung Quất với điểm đột phá là Nhà máy Lọc dầu số 1. Đây là công trình có ý nghĩa đòn bẩy quan trọng nhất của miền Trung và Tây nguyên, là trọng điểm kinh tế của khu vực trong sự phát triển hài hoà của cả nước, sẽ trở thành chiến lược tăng trưởng của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.1.2. Những thành tựu đạt được về quy hoạch phát triển

- Đã thực hiện hoàn thành quy hoạch chi tiết các khu chức năng. Đang triển khai quy hoạch chi tiết hệ thống đường sắt quốc gia vào cảng Dung Quất.

- Công tác đền bù tái định cư và giải phóng mặt bằng: Đến cuối năm 2004 đã thu hồi trên 1.500 ha đất, di chuyển trên 1.300 hộ dân và 20.000 ngôi mộ để có đất cho các dự án đầu tư, triển khai xây dựng vào Khu kinh tế Dung Quất; đã xây dựng Khu tái định cư phía Tây sông Trà Bồng (giai đoạn 1) 21,4 ha, các Khu dân cư phía Đông sông Trà Bồng (giai đoạn 1) 36,9 ha, các Khu trại dân Giếng Hố, Trảng Bông; đồng thời đang triển khai xây dựng (giai đoạn 2) của 2 Khu dân cư kể trên và Khu dịch vụ - hậu cần cảng.

2.2. Kết quả thu hút FDI vào KKT Dung Quất

2.2.1. Số lượng và quy mô dự án

Đến cuối năm 2010, BQL KKT Dung Quất đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 12 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư 53,783.00 tỷ đồng. Trong 12 dự án FDI đã được cấp phép, nhìn chung hầu hết là các dự án nhỏ, đang trong giai đoạn đền bù, giải phóng mặt bằng. Có 02 dự án có qui mô lớn là Công ty TNHH Quang Lian Steel Việt Nam: 3 tỷ USD và dự án Công ty công nghiệp nặng Doosan Vina: 261 triệu USD.

Bảng 2.1. Doanh nghiệp FDI trên địa bàn KKT Dung Quất
(tính đến ngày 31.12.2010)

TT	Tên Dự án	Diện tích (ha)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)		Tình trạng		Nhóm Ngành	Năm Cấp GCN	Ghi chú
			Vốn ĐK	Vốn TH					
1	Nhà máy thép Quang Lian	504.00	48,000.00	2,300.00		Đang XD	SX	2006	Vướng ĐB
2	DA cho thuê MM, TB, giàn giáo và phương tiện (Việt Hưng)	1.00	3.50	3.50	HD		DV	2006	
3	DA Công nghiệp nặng Doosan	118.03	4,177.00	4,527.50	HT		SX	2006	
4	NM công nghiệp nặng Kum woo - Dung Quất	6.50	241.50	20.00			SX	2007	Vướng ĐB
5	Nhà máy EASTAR KIC Việt Nam	12.00	495.00				SX	2008	Đang ĐB
6	Công ty TNHH Flowser Việt Nam (dv)		8.50	8.50	HT		DV	2009	Mới cấp
7	Công ty TNHH Aramis Development Việt Nam	0.00	5.10		HD		DV	2009	
8	Công ty TNHH SFP Vina		7.20		HD		DV	2010	Mới cấp
9	NM Doobon Việt Nam	10.00	462.00				SX	2009	Mới gia hạn
10	NM sản xuất cầu kiện thép Cheong Woon Vina	5.10	256.00	85.26	HD	Đang XD	SX	2006	thi hành án
11	Công ty TNHH Aden Services Miền Trung Việt Nam		2.40	2.40	HD		DV	2006	
12	Yong Ho Villa và Resort	4.88	124.80				DV	2010	
	Dự án vốn FDI	666.51	53,783.00	6,947.16					

Nguồn: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi

2.2.2. Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo ngành nghề kinh tế

Khu kinh tế Dung Quất thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ để phục vụ cho việc xây dựng nhà máy lọc dầu. Xét bảng 2.2 (bên dưới) ta dễ nhận thấy số lượng dự án tập trung vào công nghiệp chiếm tỷ trọng là 50% trên tổng 12 dự án, nhưng chiếm gần 99.72 % tổng vốn đầu tư với giá trị là 53,631.50 tỷ đồng, nhưng đầu tư thực hiện chỉ chiếm 12.93% với giá trị là 6,932.76 tỷ đồng, vì các dự án vào công nghiệp mới được cấp phép đang còn ở giai đoạn đầu của đầu tư là giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở chưa đi vào hoạt động và có hoạt động thì ở mức cầm chừng và các dự án đã đi vào hoạt động là các dự án nhỏ.

Dịch vụ có 6 dự án, chiếm 50% trong tổng số dự án trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất, nhưng chỉ chiếm 0,28% tổng vốn đầu tư với lượng vốn là 151.50 tỷ đồng, vì các dự án đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ vốn rất nhỏ như dự án của Công ty TNHH Aden Services Miền Trung Việt Nam chỉ có 2.4 tỷ đồng.

Qua bảng số liệu ta thấy, các dự án FDI trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất tập trung chủ yếu ở lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Còn FDI vào ngành nông nghiệp của Khu kinh tế Dung Quất không có, ngành nông nghiệp của Khu kinh tế Dung Quất chỉ dừng lại ở qui mô sản xuất nhỏ, không tập trung và chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết khí hậu, mưa bão, lũ lụt xảy ra liên tục. Khu kinh tế Dung Quất cần có giải pháp khắc phục những hạn chế của ngành nông nghiệp, qui hoạch các vùng nguyên liệu, ... để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển và khai thác hết tiềm năng sẵn có của địa phương, như tiềm năng về biển, rừng. Mặt khác, khi FDI vào nông nghiệp sẽ tạo ra ngành sản xuất mới cho

người dân, sẽ giải quyết được vấn đề việc làm cho lao động nhàn rỗi ở nông thôn, đồng thời tăng thu nhập cho người nông dân.

Bảng 2.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo lĩnh vực (tính đến ngày 31.12.2010)

Lĩnh vực	Dự án đầu tư		Tổng vốn đăng ký		Vốn thực hiện	
	Số lượng	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	6	50	53,631.50	99.72	6,932.76	99.80
Dịch vụ	6	50	151.50	0.28	14.40	0.20
TỔNG	12		53,783.00		6,947.16	

Nguồn: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi

Những dự án mới cấp Giấy chứng nhận đầu tư có quy mô lớn đều tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp. Vì vậy, hy vọng trong thời gian đến các dự án này sẽ có những đóng góp đáng kể vào kinh tế của KKT Dung Quất nói riêng và ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi nói chung.

2.2.3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo địa phương

Bảng 2.3. FDI vào Quảng Ngãi theo địa phương

Địa phương	Dự án đầu tư		Tổng vốn đầu tư		Vốn thực hiện	
	Số lượng	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng
Sơn Tịnh	2	11.76	16,880.00	0.17	9,720.00	0.34
Đức Phổ	1	5.88	8,000.00	0.08	3,719.00	0.14
Bình Sơn (KKT Dung Quất)	12	70.60	53,783.00	0.56	6,947.16	0.24
Lý Sơn	1	5.88	10,000.00	0.10	2,321.00	0.08
TP.Quảng Ngãi	1	5.88	8,768.00	0.09	5,783.17	0.20
TỔNG	17		97,431.00		28,490.33	

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi

Hiện nay, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các địa phương của Quảng Ngãi phân bố không đồng đều, tập trung vào các địa phương có điều kiện thuận lợi như Bình Sơn có Khu Kinh tế Dung Quất, Sơn Tịnh có khu công nghiệp Tịnh Phong, thành phố Quảng Ngãi có khu công nghiệp Quảng Phú.

2.2.4. Đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo quốc gia

Bảng 2.4. FDI theo quốc gia (đến tháng 31.12.2010)

STT	Quốc gia, vùng lãnh thổ	Số dự án	Vốn đăng ký (USD)	Tỷ trọng (%)	
				Số dự án	Vốn đăng ký
01	Hàn Quốc	4	263,048,000.00	33.33	30.44
02	Trung Quốc	2	15,125,000.00	16.66	1.75
03	Đài Loan	1	556,000,000.00	8.33	64.33
04	Khác	5	30,080,000.00	41.68	3.48
Tổng		12	864,253,000.00		

Nguồn: Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi

Hiện nay, có hơn 5 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án FDI tại KKT Dung Quất. Nhưng tình hình chung của cả nước thì đa phần là các nước châu Á, trong 12 dự án thì có 4 dự án của Hàn Quốc chiếm 33.33% số dự án và 30,44% số vốn đăng ký, 2 dự án của Trung Quốc, và Đài Loan chỉ có một dự án nhưng số vốn đăng ký chiếm khá cao với tỷ lệ 64,33% tổng vốn đăng ký.

2.2.5. Kết quả thu hút FDI qua một số chỉ tiêu khác

2.3. Một số nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI vào KKT Dung Quất

2.3.1. Vị trí địa lý của khu kinh tế Dung Quất

Khu kinh tế Dung Quất nằm trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, có diện tích 10.300 ha. Khu kinh tế Dung Quất có vị trí địa lý thuận lợi cho giao thông đường bộ, hàng hải cũng như hàng không.

KKT Dung Quất có thể được xem là vị trí trung tâm điểm của Việt Nam và của Đông Nam Á. KKT Dung Quất có đô thị mới được quy hoạch phát triển là thành phố công nghiệp, dịch vụ, phát triển theo tiêu chuẩn của một đô thị hiện đại, văn minh. Có chiều dài bờ biển trên 50 km hướng ra biển Đông với nhiều tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ ...

Như vậy, Dung Quất có những lợi thế so sánh: nằm ở vị trí trung điểm của Việt Nam và khu vực; gần sân bay quốc tế Chu Lai, cảng biển nước sâu; có thành phố mới với đầy đủ hạ tầng tiện ích và dịch vụ chất lượng cao; được hưởng những ưu đãi cao nhất Việt Nam và được áp dụng thể chế, cơ chế quản lý thông thoáng, phù hợp với thông lệ quốc tế và thích ứng với tính chất toàn cầu hoá kinh tế hiện nay... Do đó, Chính phủ đang tập trung ưu tiên đầu tư - hỗ trợ đầu tư để đưa Dung Quất trở thành Khu liên hợp công nghiệp lớn nhất Việt Nam. Chính phủ cũng đã cho phép chuyển Dung Quất thành Khu Kinh tế Tổng hợp trong đó áp dụng nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư thực sự vượt trội theo hướng một Khu kinh tế mở.

2.3.2. Sự ổn định chính trị - xã hội

2.3.3. Ngành công nghiệp phụ trợ

2.3.4. Bộ máy hành chính

2.3.5. Sử dụng nguồn nhân lực

Với dân số gần 1,2 triệu người, lực lượng lao động của Dung Quất đông đảo nhưng đa phần là lao động phổ thông, chưa được đào tạo một cách hợp lý nên chưa thể đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài. Hiện nay, tuy có một đội ngũ trí thức đã tốt nghiệp ở các trường đại học nhưng phần lớn trong số này hiện đang làm việc tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh khác trong cả nước. Do vậy tỉnh Quảng Ngãi cần có những chính sách khuyến khích và thu hút đội ngũ này trở về phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các khu kinh tế, khu công nghiệp trong tỉnh. Hơn nữa,

tỉnh cũng cần phải chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật và công nhân có tay nghề theo hướng vừa trang bị kiến thức cơ bản, vừa đào tạo chuyên sâu. Để thu hút mạnh mẽ đầu tư cần có quan hệ tốt, tranh thủ các Bộ, ngành, các chủ doanh nghiệp lớn, tạo điều kiện cho các dự án vào để tự bản thân nó tạo ra môi trường tốt lôi kéo các dự án vào tiếp theo. Bên cạnh đó, chúng ta phải giữ mối quan hệ thường xuyên với các văn phòng đại diện, các công ty tư vấn đầu tư, các cơ quan ngoại giao để cung cấp thông tin, cơ hội đầu tư ở tỉnh Quảng Ngãi và KKT Dung Quất cho các nhà đầu tư.

2.4. Những thành công và hạn chế trong thu hút FDI vào KKT Dung Quất

2.4.1. Một số thành công

Với tính chất là KKT tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực vào loại bậc nhất của đất nước Việt Nam, cảng biển nước sâu Dung Quất đóng vai trò rất quan trọng. Đó là xuất nhập khẩu, giao lưu với các nước tiểu vùng sông Mê Kông và Châu Á Thái Bình Dương. Do đó, Dung Quất cần được quy hoạch chi tiết đậm nét về hệ thống cảng với đầy đủ 3 cụm cảng biển: Cảng trung chuyển container, cảng tổng hợp và cảng chuyên dụng.

Với những ưu thế vượt trội, việc đặt cảng nước sâu Dung Quất II tại vịnh Mỹ Hàn sẽ là điểm nhấn, là lực nam châm thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đến với khu vực này. Ngoài vai trò là đầu mối để phục vụ nhập nguyên, nhiên liệu sản xuất và xuất sản phẩm cho các nhà máy công nghiệp nặng, cảng Dung Quất II còn thực hiện hoạt động tạo giá trị gia tăng cho cả khu vực. Các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ công nghiệp nặng, các trung tâm thương mại tài chính, dịch vụ hàng hải,... cũng sẽ được hình thành xung quanh hệ thống cảng mới này. Bên cạnh đó, NMLD Dung Quất hiện có cũng là một tiền đề thuận lợi cho việc thu hút tiếp tổ hợp công nghiệp lọc hóa dầu thứ 2 tại khu Dung Quất II và phát triển đồng bộ từ

ché biến, trung chuyển, tàng trữ, vận chuyển tiến tới xây dựng các căn cứ hậu cần, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, dịch vụ dầu khí...

2.4.2. Những hạn chế

- Thủ tục cấp giấy phép đầu tư đã và đang là vấn đề trở ngại đối với thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Các thủ tục về hải quan còn gây không ít khó khăn cho các hoạt động của các nhà đầu tư.

- Mặc dù đã có các luật thuế, nhưng thủ tục thực hiện luật thuế này cũng còn nhiều phiền hà, gây khó khăn cho các nhà đầu tư nước ngoài.

- Hiện nay có quá nhiều các loại lệ phí và phí.

- Thủ tục xuất- nhập khẩu quá phức tạp và mất nhiều thời gian.

- Thủ tục cấp đất còn quá phức tạp và kéo dài.

- Việc phân công trách nhiệm và trình độ thẩm định thiết kế chưa rõ ràng.

- Đối với các dự án FDI, vấn đề dư luận quan tâm nhất hiện nay là việc xử lý môi trường .

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT FDI VÀO KHU KINH TẾ DUNG QUẤT

3.1. Căn cứ tiền đề đề xuất giải pháp

3.1.1. Định hướng theo lĩnh vực đầu tư

- Triển khai xây dựng một số nhà máy hóa dầu, hóa chất, hình thành cụm liên hợp lọc – hóa dầu, hóa chất.
- Xây dựng một số nhà máy công nghiệp nặng có quy mô lớn.
- Ưu tiên thu hút mạnh các dự án đầu tư sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến xuất khẩu, tạo ra kim ngạch xuất khẩu.
- Đầu tư xây dựng cảng nước sâu Dung Quất, gắn với ngành công nghiệp và dịch vụ hậu cần.

3.1.2. Định hướng theo ngành, đối tác và vùng lãnh thổ

3.1.3. Định hướng theo các giai đoạn phát triển

3.1.4. Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà Nước đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Thực hiện cơ chế một cửa.
- Công khai hoá thủ tục đầu tư.
- Hoàn thiện thủ tục đầu tư phù hợp với đặc điểm của tỉnh, mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh và tạo ra lợi thế so sánh cao hơn các địa phương khác để thu hút và sử dụng có hiệu quả.
- Cải thiện thủ tục hành chính.
- Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà Nước đối với các hoạt động đầu tư.

3.1.5. Điểm mạnh, điểm yếu của KKT Dung Quất

3.1.5.1. Điểm mạnh

- Vị trí chiến lược: Khu kinh tế Dung Quất có vị trí địa lý thuận lợi cho giao thông đường bộ, đường thủy cũng như hàng không do đó KKT Dung Quất có sức hút với toàn khu vực.

- KKT Dung Quất có đô thị mới được quy hoạch phát triển là thành phố công nghiệp, dịch vụ, phát triển theo tiêu chuẩn của một đô thị hiện đại, văn minh. Có chiều dài bờ biển trên 50 km hướng ra biển Đông với nhiều tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ ...

- Lợi thế về phát triển cảng biển và các ngành kinh tế gắn cảng: KKT Dung Quất hội tụ các điều kiện lý tưởng để hình thành và phát triển một cảng biển nước sâu lớn.

- KKT Dung Quất có điều kiện thuận lợi hình thành Khu bảo thuế và các ngành dịch vụ cảng biển.

- KKT Dung Quất được xác định là trung tâm phát triển các ngành công nghiệp lọc dầu, hóa dầu – hóa chất, các ngành công nghiệp quy mô lớn như công nghiệp luyện cán thép, cơ khí đóng tàu biển, sản xuất container, ciment, các loại thiết bị nặng ...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật giai đoạn I ở Dung Quất khá tốt đã tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nhiều dự án.

- KKT Dung Quất được hưởng những ưu đãi cao nhất Việt Nam và được áp dụng thể chế, cơ chế quản lý thông thoáng, phù hợp với thông lệ quốc tế và thích ứng với tính chất toàn cầu hoá kinh tế hiện nay...

- Sự năng động, thân thiện của lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý KKT Dung Quất.

- Nguồn lao động tại chỗ trẻ, cần cù, sáng tạo và hiếu học với chi phí thấp.

- Đội ngũ cán bộ phụ trách xúc tiến đầu tư trẻ, có chuyên môn, tận tụy với công việc.

- Ngày 22/02/2009 nhà máy lọc dầu Dung Quất đã cho ra dòng sản phẩm dầu thương mại đầu tiên. Đây chính là sự kiện đánh dấu bước khởi đầu của ngành công nghiệp lọc dầu Việt Nam, điểm nhấn cho quá trình tăng tốc đầu tư vào khu kinh tế Dung Quất. NMLD Dung Quất tạo sức hút lớn đối với các nhà đầu tư đến với Quảng Ngãi.

3.1.5.2. Điểm yếu

- Hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém và thiếu đồng bộ.
- Thiếu hụt nguồn lao động tại chỗ đã qua đào tạo, nhất là nhân lực quản lý và công nhân lành nghề.
- Ngành công nghiệp phụ trợ yếu kém.
- Hoạt động xúc tiến đầu tư còn khá rời rạc, thiếu trọng điểm và chưa đạt tính chuyên nghiệp cao.
- Công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư còn chậm so với yêu cầu của các dự án FDI.
- Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng và xúc tiến đầu tư hạn chế, không ổn định.
- Thủ tục cấp giấy phép đầu tư, các thủ tục về hải quan, thủ tục thực hiện các luật thuế còn gây không ít khó khăn cho các hoạt động của các nhà đầu tư.
- Kinh nghiệm trong công tác xây dựng quy hoạch tổng thể Khu kinh tế còn hạn chế.
- Đội ngũ cán bộ công chức của Ban quản lý Khu kinh tế còn nhiều hạn chế chưa am hiểu về môi trường luật pháp quốc tế.
- Tiềm năng thị trường Miền Trung nhỏ bé với độ rủi ro trong đầu tư kinh doanh khá cao.
- Ưu đãi đầu tư không còn là lợi thế cạnh tranh “riêng có” của KKT Dung Quất do sự hình thành hàng loạt KKT ven biển khác.
- Lợi thế nguồn nhân công rẻ sẽ mất đi khi nhiều FDI có xu hướng tập trung vào các ngành công nghiệp cao hay đòi hỏi hàm lượng trí tuệ lớn.
- Cước vận tải đường biển đến đi các cảng Miền Trung khá cao so với hai Miền Nam và Bắc.

3.1.6. Quan điểm chiến lược về thu hút FDI vào KKT Dung Quất

3.1.7. Mục tiêu thu hút FDI vào KKT Dung Quất

3.2. Nhóm giải pháp đối với Ban quản lý KKT Dung Quất

3.2.1. Xây dựng hình ảnh “biểu tượng” của KKT Dung Quất

Ban quản lý KKT Dung Quất cần phải tuyên truyền quảng bá hình ảnh hấp dẫn của KKT với các nhà đầu tư.

3.2.2. Đổi mới và nâng cao hiệu quả của việc thu hút đầu tư

- Công tác vận động, xúc tiến FDI trong thời gian đến cần tập trung làm nổi bật hình ảnh của KKT Dung Quất như cảng nước sâu của Miền Trung.
- Nâng cao chất lượng, hình ảnh, mẫu mã của các ấn phẩm tuyên truyền, tài liệu quảng bá sử dụng cho công tác vận động, xúc tiến FDI.
- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu thị trường và đối tác đầu tư nước ngoài, nên thường xuyên cập nhật, lưu trữ đầy đủ và có hệ thống thông tin - dữ liệu của cá nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng để làm cơ sở xúc tiến theo từng giai đoạn.
- Thực hiện các chương trình vận động, xúc tiến FDI theo từng lĩnh vực, địa bàn, đối tác và dự án cụ thể.
- Lựa chọn lĩnh vực để xúc tiến FDI: nên tập trung thu hút FDI vào các ngành, lĩnh vực mà KKT Dung Quất có lợi thế so sánh như dịch vụ cảng biển, lọc dầu, công nghiệp nặng, đóng tàu biển, ...
- Lựa chọn đối tác đầu tư nước ngoài để xúc tiến FDI.
- Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác bền vững với những cơ quan, đối tác, cá nhân trung gian trong nước và quốc tế có thể hỗ trợ, phối hợp triển khai hiệu quả công tác vận động, xúc tiến FDI vào KKT Dung Quất.
- Quan hệ với các ngân hàng, tổ chức dịch vụ tài chính trong và ngoài nước nhằm vận động các doanh nghiệp FDI là khách hàng của họ đầu tư vào KKT Dung Quất.
- Nâng cao chất lượng danh mục dự án kêu gọi FDI vào KKT Dung Quất.
- Nâng cao hiệu quả công tác vận động, xúc tiến FDI ở nước ngoài.

- Chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng.

- Nâng cao hiệu quả và chất lượng các dịch vụ trợ giúp các nhà đầu tư hiện tại lẫn các nhà đầu tư tiềm năng.

- Tăng cường công tác kiểm tra để sàng lọc, lựa chọn đúng đối tác nước ngoài phù hợp, có quyết tâm và đủ năng lực để tiến hành xúc tiến và cấp giấy phép đầu tư.

- Tăng cường phối hợp và tranh thủ sự hỗ trợ của cục đầu tư nước ngoài, Bộ kế hoạch và đầu tư, Trung tâm xúc tiến đầu tư Miền Trung.

3.2.3. *Đẩy mạnh xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật*

Xây dựng KKT Dung Quất đòi hỏi phải có sự đồng bộ trong và ngoài KKT Dung Quất, xu thế hiện tại trong việc xây dựng KKT Dung Quất hiện nay mới chú ý đến xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài KKT Dung Quất, các đường giao thông vận tải ngoài KKT Dung Quất thường bị chậm trễ trong quá trình xây dựng làm cho việc lưu thông hàng hóa, nguyên liệu đi lại gặp khó khăn.

3.2.4. *Cải thiện chính sách ưu đãi FDI*

Ban quản lý KKT Dung Quất tiếp tục áp dụng có hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư ở mức cao nhất mà Chính phủ đã cho phép, đồng thời nghiên cứu, đề xuất nhằm hoàn thiện đồng bộ từ chính sách thuế, đất đai đến chính sách đào tạo lao động, giải quyết việc làm và hỗ trợ nơi ở cho công nhân. Đối với một số dự án gọi vốn FDI có quy mô vốn lớn, thời gian thu hồi vốn chậm hay có tầm quan trọng chiến lược thì Ban quản lý KKT nên báo cáo UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất trình Chính phủ nghiên cứu, ban hành những chính sách ưu đãi FDI mang tính chất đặc thù và khuyến khích mạnh hơn.

+ Giá đất và cơ chế miễn giảm cho các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất theo hướng ưu đãi và thực sự hấp dẫn so với các khu công nghiệp, khu kinh tế khác.

+ Chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài; đặc biệt là cán bộ quản lý, cán bộ khoa học.

+ Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo ra lực lượng lao động có tay nghề cho khu kinh tế Dung Quất.

+ Hỗ trợ xúc tiến đầu tư, quảng bá khu kinh tế Dung Quất đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

+ Chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở cho cán bộ, chuyên gia đến công tác, làm việc và lao động tại Khu kinh tế Dung Quất.

3.2.5. *Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện thủ tục đối với FDI theo hướng đơn giản hóa, nhanh gọn và chuyên nghiệp*

3.2.6. *Nâng cao hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng (GPMB)*

3.2.7. *Phát triển ngành công nghiệp phụ trợ*

Nâng cao năng lực sản xuất và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ để phục vụ tốt hơn cho đầu tư trực tiếp nước ngoài. Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất nên tính đến quy hoạch các vùng nguyên liệu trong các dự án thuộc ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Đầu tư lượng vốn nhất định bằng ngân sách Nhà Nước hoặc khuyến khích các thành phần kinh tế khác xây dựng các nhà máy phụ trợ dựa trên nhu cầu của nhà đầu tư nước ngoài.

3.2.8. *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

Để có nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015 thì những giải pháp nhằm cân đối cung - cầu lao động như nghiên cứu nhu cầu về lao động để lập kế hoạch đào tạo và thiết kế chương trình đào tạo phù hợp, tư vấn cho người học lựa chọn ngành nghề phù hợp với nhu cầu và năng lực cá nhân, tổ chức đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp và mở ra nhiều loại hình đào tạo đa dạng và nâng cao vai trò cầu nối của Trung tâm hỗ trợ và giới thiệu việc làm của Khu kinh tế là khả thi và ít tốn kém.

Như vậy, để tạo lợi thế cạnh tranh thu hút đầu tư vào Khu kinh tế

Dung Quất bằng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài thì cần thực hiện các giải pháp như sau:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất cần phải tổ chức nghiên cứu nhu cầu của các nhà đầu tư, xây dựng phương án đào tạo và cung ứng lao động qua các năm cho phù hợp.

- Tuy nhiên, để cung tương thích với cầu không đơn giản là phân chia số lượng lao động cần đào tạo cho các cơ sở đào tạo trong tỉnh. Điều quan trọng hơn là làm sao để các doanh nghiệp tiếp nhận những người được đào tạo.

- Nhu cầu về lao động của các nhà đầu tư rất đa dạng về ngành nghề nên các trường khó có thể tự đào tạo đủ. Những ngành có nhu cầu ít hoặc đòi hỏi phải có đầu tư lớn thì liên kết đào tạo là một giải pháp khả thi và hiệu quả hoặc không đào tạo mà thu hút ở nơi khác đến. Ngoài ra, đào tạo từ xa là phương thức đào tạo thích hợp cho những người làm việc ở các vùng xa, làm việc theo ca vì có thể học bất kỳ đâu, bất kỳ lúc nào.

- Đối với nhu cầu đào tạo liên tục như đào tạo nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ quản lý thì các trường hợp ký hợp đồng đào tạo theo yêu cầu của các doanh nghiệp là cách tốt nhất.

- Đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo hiện có và xây dựng các cơ sở đào tạo mới phù hợp với định hướng phát triển của khu kinh tế Dung Quất.

- Xây dựng chính sách khuyến khích thu hút lao động có chất lượng cao về làm việc tại khu kinh tế.

3.2.9. Công tác xúc tiến đầu tư

- Nâng cao chất lượng xây dựng Quy hoạch và Danh mục dự án gọi vốn ĐTNN làm cơ sở thực hiện chương trình vận động đầu tư.

- Giáo dục tuyên truyền về ý thức tư tưởng cho người dân để họ

thấy được vai trò và sự cần thiết của FDI và cần phải tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp FDI hoạt động.

- Đổi mới, đa dạng hoá các phương thức tổ chức xúc tiến đầu tư.

3.2.10. Phát triển một số lĩnh vực

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Tạo lập môi trường đầu tư hấp dẫn

Vấn đề mang tính quan trọng then chốt trong việc tổ chức nhằm thu hút FDI là tạo lập môi trường đầu tư hấp dẫn. Môi trường đầu tư là tổng thể các bộ phận mà ở đó chúng tác động qua lại lẫn nhau và chi phối mạnh mẽ đến các hoạt động đầu tư. Buộc các nhà đầu tư phải tự điều chỉnh các mục đích, hình thức và phạm vi hoạt động cho thích hợp, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh và đưa đến hiệu quả cao trong kinh doanh.

3.3.2 Đảm bảo các quyền cơ bản của nhà đầu tư

3.3.3 Chiến lược bảo hộ và các ưu tiên dành cho các nhà đầu tư và người nước ngoài

3.3.4. Miễn giảm thuế

3.3.5. Các khuyến khích đặc biệt

- Đối với các công ty đa quốc gia: Các công ty này là một nguồn cung cấp vốn đầu tư lớn trên thế giới, nên việc có những khuyến khích đặc biệt với các công ty đa quốc gia là cần thiết. Tuy nhiên, các chính phủ phải cân nhắc xem nên thực hiện những khuyến khích đặc biệt đó như thế nào để vẫn đảm bảo nguyên tắc “sân chơi bình đẳng”.

Một số trường hợp đã sử dụng các khuyến khích đặc biệt :

- + Coi những công ty đa quốc gia như những công ty được ghi tên ở thị trường chứng khoán và cho hưởng những ưu đãi tương tự.

- + Cho phép các công ty đa quốc gia được thành lập các công ty con phần.

- + Khuyến khích các công ty đa quốc gia chuyển giao công nghệ

và thực hiện mua sắm trong nội bộ hãng, cũng như khuyến khích việc thiết lập các trụ sở chính, bằng việc cho phép thành lập các trung tâm mua sắm của công ty đa quốc gia đó ở nước sở tại và đơn giản hoá các thủ tục hải quan, các đòi hỏi về quản lý ngoại hối, đăng ký làm thẻ cho nhân viên ...Việc thành lập các khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ tập trung cũng là một biện pháp khuyến khích các công ty đa quốc gia hoạt động ở nước sở tại.

- Đối với các cơ quan tài chính hải ngoại: Việc khuyến khích thành lập các công ty này cũng có nghĩa là khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào sở tại. Do đó, chính phủ nước sở tại có xu hướng miễn giảm các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và hoạt động của các cơ quan tài chính hải ngoại.

3.3.6. Hoàn chỉnh khung pháp lý về thu hút FDI vào các KKT

+ Môi trường pháp lý: Nếu như sự ổn định về chính trị trong nước được duy trì là yếu tố đầu tiên đảm bảo thu hút FDI vào trong nước thì môi trường pháp lý hoàn thiện, phù hợp với thông lệ quốc tế là một cơ sở quan trọng để nhà đầu tư lựa chọn và quyết định đầu tư.

+ Bổ sung hoàn thiện và đồng bộ hoá các quy định pháp lý về đầu tư xây dựng cơ bản. Sớm khắc phục tình trạng liên tục thay đổi các quy định pháp lý cũng như sự thiếu thống nhất của các văn bản pháp lý về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà Nước trong thời gian qua.

KẾT LUẬN

Mặc dù còn nhiều tồn đọng cần được giải quyết nhưng không thể phủ nhận những lợi ích và thành quả do thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Khu kinh tế Dung Quất đã mang lại cho tỉnh Quảng Ngãi và nước Việt Nam.

Rõ ràng, việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào KKT Dung Quất là con đường thích hợp, một hướng đi đúng đắn để tiến hành Công nghiệp Hóa - Hiện Đại hoá tỉnh Quảng Ngãi và đất nước. Sự đóng góp của thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào KKT Dung Quất trong thời gian qua đã khẳng định được vai trò của nó trong việc phát triển kinh tế.

Bằng phương pháp nghiên cứu gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, kết hợp với việc kế thừa thành quả của một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận văn đã cơ bản hoàn thành được những mục tiêu đề ra gồm:

- Nghiên cứu và hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản nhất về thu hút FDI vào các khu kinh tế.
- Đánh giá thực trạng những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong thu hút FDI vào KKT Dung Quất thời gian qua.
- Gợi ý những giải pháp và đề xuất nhằm tăng cường thu hút FDI vào KKT Dung Quất trong thời gian đến.